

Số: /KL-TTTH

Thanh Hóa, ngày tháng 4 năm 2026

KẾT LUẬN

Thanh tra hoạt động thu, chi tài chính và các khoản huy động xã hội hóa tại Trường THCS Nguyễn Hồng Lễ, phường Sầm Sơn, tỉnh Thanh Hóa

Thực hiện Quyết định số 318/QĐ-TTTH ngày 20/01/2026 của Chánh Thanh tra tỉnh về Thanh tra hoạt động thu, chi tài chính và các khoản huy động xã hội hóa khác đối với các trường THCS Nguyễn Hồng Lễ, mầm non Quảng Cư, phường Sầm Sơn và tiểu học Tân Phong 1, xã Lưu Vệ, tỉnh Thanh Hóa.

Căn cứ báo cáo kết quả của Đoàn thanh tra, báo cáo giải trình của Nhà trường, tiếp thu ý kiến thẩm định dự thảo kết luận thanh tra. Chánh Thanh tra tỉnh kết luận:

I. KHÁI QUÁT CHUNG

Trường THCS Nguyễn Hồng Lễ được thành lập theo Quyết định số 3011/QĐ-UBND ngày 13/8/2015 của Chủ tịch UBND thị xã Sầm Sơn. Trường là cơ sở giáo dục phổ thông công lập trong hệ thống giáo dục quốc dân, do UBND thị xã Sầm Sơn (nay là phường Sầm Sơn) trực tiếp đầu tư và quản lý, có tư cách pháp nhân, có tài khoản và con dấu riêng.

Giai đoạn 2021 - 2025, quy mô hoạt động của nhà trường cơ bản ổn định và có điều chỉnh tăng (giảm) về số học sinh. Nhà trường thực hiện cơ chế tự chủ do Nhà nước đảm bảo chi thường xuyên (thuộc nhóm 4 theo Quyết định số 3513/QĐ-UBND ngày 12/12/2025 của Chủ tịch UBND phường Sầm Sơn).

Tính đến thời điểm 31/12/2025, tổng số cán bộ, giáo viên, nhân viên nhà trường là 35 người, trong đó: 25 biên chế (gồm: 02 cán bộ quản lý, 23 giáo viên); 01 nhân viên kế toán kiêm hành chính; 04 hợp đồng theo Nghị định 111/2022/NĐ-CP; 05 hợp đồng công việc (gồm: 02 giáo viên, 01 văn thư, thư viện, 01 bảo vệ, 01 lao công). Trình độ chuyên môn 100% đạt chuẩn (06 thạc sĩ, 19 đại học). Nhà trường có 02 Tổ chuyên môn và 01 Tổ văn phòng.

II. KẾT QUẢ THANH TRA

1. Công tác chỉ đạo, ban hành văn bản và tổ chức thực hiện thu - chi tài chính, huy động xã hội hoá trong nhà trường

1.1. Việc tiếp nhận, tổ chức triển khai các văn bản trong nhà trường

Giai đoạn từ năm 2021 đến năm 2025, Trường THCS Nguyễn Hồng Lễ tiếp nhận nhiều văn bản chỉ đạo, hướng dẫn về quản lý tài chính, xã hội hóa của cấp tỉnh, cấp huyện và Sở Giáo dục & đào tạo, như: Nghị quyết của Hội đồng nhân

dân tình; văn bản hướng dẫn của Sở Giáo dục và đào tạo; các quyết định về việc giao dự toán ngân sách, chủ trương kế hoạch vận động tài trợ xã hội trong nhà trường... Sau khi tiếp nhận các văn bản cấp trên, Ban giám hiệu nhà trường đã tổ chức họp, thảo luận, triển khai, quán triệt, kịp thời đến các bộ phận, cá nhân có liên quan để tổ chức thực hiện theo đúng quy định.

Nội dung quán triệt tập trung làm rõ các quy định liên quan trực tiếp đến công tác thu, chi tài chính, trách nhiệm của tập thể và cá nhân trong việc quản lý, sử dụng kinh phí; bảo đảm việc thực hiện thống nhất, đúng quy định trong toàn đơn vị.

1.2. Việc xây dựng, ban hành và triển khai thực hiện các kế hoạch, quy định nội bộ

Giai đoạn từ năm 2021 đến 2025, căn cứ các quy định của pháp luật và hướng dẫn của ngành, hàng năm nhà trường xây dựng và ban hành kế hoạch thu - chi tài chính, kế hoạch thực hiện các khoản thu dịch vụ, thu sự nghiệp và các văn bản chỉ đạo nội bộ khác có liên quan.

Các văn bản sau khi ban hành được tổ chức triển khai thực hiện nghiêm túc; trong quá trình thực hiện, nhà trường thường xuyên theo dõi, rà soát, điều chỉnh (nếu có) nhằm bảo đảm phù hợp với tình hình thực tế và đúng quy định hiện hành.

1.3. Trách nhiệm của người đứng đầu trong công tác quản lý thu, chi tài chính; việc phân công nhiệm vụ, kiểm tra, giám sát nội bộ trong quản lý tài chính

Hàng năm, Hiệu trưởng Nhà trường đã thành lập Ban kiểm tra nội bộ trường học, xây dựng và ban hành Kế hoạch kiểm tra, trong đó có kiểm tra trong quản lý tài chính; kiểm tra việc xây dựng kế hoạch thực hiện Luật PCTN, thực hành tiết kiệm chống lãng phí của cơ sở giáo dục, việc xây dựng các quy định, quy chế của đơn vị theo yêu cầu của công tác PCTN. Trong quá trình thực hiện Ban giám hiệu thường xuyên thực hiện, giám sát, kiểm tra và đánh giá kết quả.

Tuy nhiên, bên cạnh những kết quả đạt được, công tác kiểm tra nội bộ vẫn còn một số hạn chế như: Chưa thật sự thường xuyên giữa các thời điểm trong năm; việc kiểm tra đôi khi còn mang tính hình thức; việc theo dõi, đánh giá sau kiểm tra ở một số nội dung còn thiếu chiều sâu; Hiệu trưởng và Ban giám hiệu chưa quyết liệt chỉ đạo khắc phục, sửa chữa các hạn chế, tồn tại đã được chỉ ra trong năm trước, dẫn đến còn tồn tại ở năm sau và các năm tiếp theo.

2. Công tác quản lý thu, chi tài chính

2.1. Việc xây dựng, ban hành Quy chế chi tiêu nội bộ

Hàng năm, Nhà trường đã xây dựng và ban hành Quy chế chi tiêu nội bộ; Việc ban hành quy chế được thông qua Hội nghị cán bộ, viên chức, người lao động đầu năm, cụ thể tại các Quyết định: số 05/QĐ-THCSNHL ngày 01/01/2022 về việc ban hành Quy chế chi tiêu nội bộ 2022; số 05/QĐ-THCSNHL ngày

01/01/2023 về việc ban hành Quy chế chi tiêu nội bộ 2023; số 05/QĐ-THCSNHL ngày 01/01/2024 về việc ban hành Quy chế chi tiêu nội bộ 2024; số 01/QĐ-THCSNHL ngày 01/01/2025 về việc ban hành Quy chế chi tiêu nội bộ 2025.

Đối với các khoản thu - chi ngoài Ngân sách, Nhà trường xây dựng và ban hành theo năm học, cụ thể tại các Quyết định: số 89/QĐ-THCSNHL ngày 25/10/2021 ban hành Quy chế CTNB các khoản thu, chi ngoài Ngân sách năm học 2021-2022; số 98/QĐ-THCSNHL ngày 25/10/2022 ban hành Quy chế CTNB các khoản thu, chi ngoài Ngân sách năm học 2022-2023; số 80/QĐ-THCSNHL ngày 26/9/2023 ban hành Quy chế CTNB các khoản thu, chi ngoài Ngân sách năm học 2023-2024; số 71/QĐ-THCSNHL ngày 28/9/2024 ban hành Quy chế CTNB các khoản thu, chi ngoài Ngân sách năm học 2024-2025; số 85/QĐ-THCSNHL ngày 27/9/2025 ban hành Quy chế CTNB các khoản thu, chi ngoài Ngân sách năm học 2025-2026.

Qua kiểm tra cho thấy: Việc xây dựng và ban hành Quy chế chi tiêu nội bộ của Nhà trường còn có những tồn tại, hạn chế sau:

- Nhà trường chưa đưa vào Quy chế chi tiêu nội bộ các căn cứ như: Luật Ngân sách năm 2015; Luật Kế toán năm 2015; Bộ Luật lao động năm 2019; Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21/12/2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Ngân sách nhà nước; Nghị định số 174/2016/NĐ-CP ngày 30/12/2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Kế toán; Nghị định 145/2020/NĐ-CP ngày 14/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Bộ Luật lao động, ...

- Đang căn cứ Thông tư số 50/2003/TT-BTC ngày 22/5/2003 của Bộ Tài chính hướng dẫn các đơn vị sự nghiệp (*hết hiệu lực từ ngày 12/11/2007*) để xây dựng và ban hành Quy chế chi tiêu nội bộ năm 2021 và năm 2022 là không đảm bảo quy định.

- Quy định Hiệu trưởng, Phó Hiệu trưởng, Thủ quỹ được thanh toán công tác phí khoán theo tháng là chưa phù hợp theo quy định tại khoản 1 Điều 8 Thông tư số 40/2017/TT-BTC ngày 28/4/2017 của Bộ Tài chính.

- Không gửi Dự thảo Quy chế chi tiêu nội bộ xin ý kiến cơ quan quản lý cấp trên (UBND thành phố Sầm Sơn, nay là UBND phường Sầm Sơn) trước khi ban hành là chưa đảm bảo theo quy định tại khoản 3 Điều 11 Thông tư 56/2022/TT-BTC ngày 16/9/2022 của Bộ Tài chính.

2.2. Việc lập, phân bổ, giao dự toán và tổ chức thực hiện dự toán

Thực hiện quy định của Luật Ngân sách Nhà nước năm 2015, Luật Kế toán năm 2015, Luật Quản lý, sử dụng tài sản công năm 2017; các Nghị định, Thông tư hướng dẫn, các Quyết định giao dự toán hàng năm của cấp có thẩm quyền; Nhà trường đã xây dựng và ban hành dự toán năm theo quy định.

Đối với các khoản thu ngoài ngân sách, trên cơ sở Nghị quyết của HĐND tỉnh, Văn bản của cơ quan Bảo hiểm, Bưu Điện và hướng dẫn của UBND thành phố Sầm Sơn (nay là phường Sầm Sơn); Nhà trường đã ban hành Quyết định công bố công khai các khoản thu ngoài ngân sách theo năm học (như: Học phí; Bảo hiểm y tế học sinh; Dạy thêm học thêm; Tiền nước uống; Tiền trông giữ xe; Tiền số liên lạc điện tử...)¹.

Qua kiểm tra cho thấy:

- Đơn vị đã thực hiện niêm yết thông báo công khai các khoản thu ngoài Ngân sách theo quy định và theo hướng dẫn của UBND thành phố Sầm Sơn; địa điểm niêm yết tại Bảng tin và Văn phòng Nhà trường.

- Trên cơ sở dự toán được lập và phê duyệt, Nhà trường đã thực hiện chi theo định mức được xây dựng trong Quy chế chi tiêu nội bộ. Tuy nhiên, trong quá trình thực hiện vẫn còn tồn tại, hạn chế sau:

(1) Đối với nguồn ngân sách:

+ Thanh toán Dịch vụ công cộng vượt so với dự toán, như: Năm 2021 vượt 73% (25.929 triệu đồng/ 15.000 triệu đồng); năm 2022 vượt 13% (28.280 triệu đồng/ 25.000 triệu đồng); năm 2023 vượt 12% (56.047 triệu đồng/ 150.000 triệu đồng); năm 2024 vượt 55% (61.873 triệu đồng/ 40.000 triệu đồng); năm 2025 vượt 292% (78.422 triệu đồng/ 20.000 triệu đồng).

+ Thanh toán Thông tin, tuyên truyền vượt so với dự toán, như: Năm 2021 vượt 34% (13.398 triệu đồng/ 10.000 triệu đồng); năm 2022 vượt 23% (24.586 triệu đồng/ 20.000 triệu đồng).

+ Chi thuê mướn vượt so với dự toán, như: Năm 2021 vượt 28% (25.660 triệu đồng/ 20.000 triệu đồng); năm 2023 vượt 267% (146.600 triệu đồng/ 40.000 triệu đồng); năm 2024 vượt 100% (80.000 triệu đồng/ 40.000 triệu đồng).

+ Chi khác vượt so với dự toán, như: Năm 2021 vượt 93% (134.990 triệu đồng/ 70.000 triệu đồng); năm 2022 vượt 28% (166.059 triệu đồng/ 130.000 triệu đồng); năm 2023 vượt 10% (165.364 triệu đồng/ 150.000 triệu đồng).

(2) Đối với nguồn thu học phí:

+ Chi Vật tư văn phòng vượt so với dự toán, như: Năm 2021 vượt 37% (13.745 triệu đồng/ 10.000 triệu đồng); năm 2025 vượt 161% (39.111 triệu đồng/ 15.000 triệu đồng).

¹ Quyết định: số 87/QĐ-THCSNHL ngày 24/10/2021 về việc công bố công khai thông báo các khoản thu ngoài Ngân sách năm học 2021-2022; số 82/QĐ-THCSNHL ngày 21/10/2022 về việc công bố công khai thông báo các khoản thu ngoài Ngân sách năm học 2022-2023; số 78/QĐ-THCSNHL ngày 25/9/2023 về việc công bố công khai thông báo các khoản thu ngoài Ngân sách năm học 2023-2024; số 79/QĐ-THCSNHL ngày 28/9/2024 về việc công bố công khai thông báo các khoản thu ngoài Ngân sách năm học 2024-2025; số 83/QĐ-THCSNHL ngày 27/9/2025 về việc công bố công khai thông báo các khoản thu ngoài Ngân sách năm học 2025-2026.

+ Chi nghiệp vụ chuyên môn vượt so với dự toán, như: Năm 2021 vượt 26% (211.884 triệu đồng/ 168.000 triệu đồng); năm 2023 vượt 64% (164.282 triệu đồng/ 100.000 triệu đồng).

+ Chi khác vượt so với dự toán, như: Năm 2021 vượt 31% (52.530 triệu đồng/ 40.000 triệu đồng); năm 2022 vượt 130% (138.280 triệu đồng/ 60.000 triệu đồng); năm 2023 vượt 108% (122.780 triệu đồng/ 59.000 triệu đồng); năm 2024 vượt 204% (132.815 triệu đồng/ 43.700 triệu đồng).

2.3. Việc trích lập nguồn cải cách tiền lương và các quỹ

- Trích lập nguồn cải cách tiền lương: Trong giai đoạn 2021 - 2025, Nhà trường đã trích lập nguồn cải cách tiền lương 1.154.000.000 đồng, cụ thể: Năm 2021 là 178.000.000 đồng, năm 2022 là 241.000.000 đồng, năm 2023 là 240.000.000 đồng, năm 2024 là 249.000.000 đồng, năm 2025 là 246.000.000 đồng (*10% tiết kiệm chi thường xuyên và 40% nguồn thu học phí được trừ trực tiếp vào dự toán giao đầu năm để thực hiện CCTL hàng năm*).

- Trích lập các loại quỹ khác: Trong giai đoạn 2021 - 2025, Nhà trường là đơn vị sự nghiệp công do Ngân sách nhà nước bảo đảm chi thường xuyên (đơn vị nhóm 4) do đó không bắt buộc thực hiện trích lập các quỹ theo quy định tại Điều 22 Nghị định số 60/2021/NĐ-CP ngày 21/6/2021 của Chính phủ quy định cơ chế tự chủ tài chính của đơn vị sự nghiệp công lập.

2.4. Việc thực hiện nghĩa vụ tài chính đối với Nhà nước

Tổng số tiền thu từ dịch vụ gửi xe là 142.485.000 đồng, trong đó: Năm 2021 là 29.150.000 đồng, năm 2022 là 27.495.000 đồng, năm 2023 là 27.490.000 đồng, năm 2024 là 27.400.000 đồng, năm 2025 là 30.950.000 đồng.

Nhà trường chưa thực hiện kê khai, tính thuế GTGT đối với dịch vụ gửi xe theo hướng dẫn tại Thông tư 219/TT-BTC ngày 31/12/2013 và thuế TNDN theo Thông tư 78/2014/TT-BTC ngày 16/8/2014 của Bộ Tài chính. Cụ thể:

- Thuế GTGT = 142.485.000 đồng x 5% = 7.100.000 đồng;

- Thuế TNDN = 142.485.000 đồng x 5% = 7.100.000 đồng.

Như vậy, tổng số thuế GTGT và thuế TNDN Nhà trường chưa kê khai, nộp thuế trong giai đoạn 2021 - 2025 là 14.200.000 đồng. Nhà trường đã chấp hành nộp đủ số thuế vào NSNN theo Quyết định số 1152/QĐ-TTTH của Chánh Thanh tra tỉnh.

3. Công tác nghiệp vụ kế toán, thực hiện công khai và báo cáo tài chính

Kế toán đã mở sổ sách, phản ánh, hạch toán các nghiệp vụ kinh tế phát sinh cơ bản tuân thủ chế độ kế toán theo Thông tư số 107/2017/TT-BTC ngày 10/10/2017 và Thông tư số 24/2024/TT-BTC ngày 17/4/2024 của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ kế toán hành chính, sự nghiệp; quản lý tiền thu thông qua tài khoản của đơn vị tại Kho bạc Nhà nước hoặc Ngân hàng theo quy định, hạn chế

tôi đa việc thu - chi tiền mặt; đóng và lưu trữ chứng từ kế toán theo quy định. Lập báo cáo tài chính, báo cáo quyết toán năm đúng chế độ và thời gian theo quy định của Thông tư số 342/2016/TT-BTC ngày 30/12/2016 của Bộ Tài chính; định kỳ, trích lập nguồn thực hiện cải cách tiền lương theo quy định hiện hành. Lập, gửi và lưu trữ báo cáo tài chính theo quy định; Hiệu trưởng Nhà trường đã ban hành các Quyết định về công khai dự toán², công khai quyết toán³ ngân sách; hình thức công khai: niêm yết công khai tại phòng họp của đơn vị.

Qua kiểm tra cho thấy:

- Nhà trường chưa công khai dự toán Ngân sách Nhà nước giao bổ sung là không đúng theo quy định tại Điều 7 Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15/06/2017 (được sửa đổi, bổ sung tại Thông tư số 90/2018/TT-BTC ngày 28/9/2018 của Bộ Tài chính).

- Hiệu trưởng Nhà trường ban hành Quyết định số 26/QĐ-HT ngày 12/3/2022 về việc công bố công khai số liệu Quyết toán thu - chi NSNN năm 2021 trước khi phòng Tài chính - Kế hoạch UBND thành phố Sầm Sơn có Biên bản xét duyệt quyết toán ngân sách năm 2021 (ngày 22/3/2022) là không đảm bảo quy định.

4. Thực hiện và quản lý hoạt động thu, chi tài chính tại đơn vị

Theo số liệu báo cáo quyết toán của Nhà trường giao đoạn 2021 - 2025:

TT	Nội dung	Năm 2021	Năm 2022	Năm 2023	Năm 2024	Năm 2025
I	KP năm trước chuyển sang	4.356.400	4.720.400	53.549.765	20.517.086	34.652.540
	Nguồn NSNN	0	0	0	8.534.800	0
	Nguồn học phí	2.923.700	3.967.200	49.625.565	5.829.936	31.326.730
	Nguồn DTHT	1.432.700	753.200	3.924.200	6.152.350	2.941.130
	Nguồn xã hội hóa	0	0	0	0	384.680
II	Dự toán giao trong năm	5.048.494.000	5.778.557.000	6.237.538.200	7.952.641.000	8.002.154.000
	Nguồn NSNN	3.955.290.000	4.526.876.000	4.870.468.200	6.228.575.000	7.387.154.000
	Nguồn học phí	446.000.000	602.000.000	599.000.000	623.700.000	615.000.000
	Nguồn DTHT	647.204.000	649.681.000	768.070.000	826.266.000	0
	Nguồn xã hội hóa	0	0	0	274.100.000	0
III	KP thực nhận trong năm	5.116.144.400	5.815.677.000	6.496.763.000	8.157.801.000	8.569.359.000
	Nguồn NSNN	3.955.290.000	4.526.876.000	4.879.003.000	6.228.575.000	7.387.154.000
	Nguồn học phí	513.650.000	639.120.000	849.690.000	828.860.000	630.490.000
	Nguồn DTHT	647.204.000	649.681.000	768.070.000	826.266.000	534.974.000
	Nguồn xã hội hóa	0	0	0	274.100.000	16.740.000

² Quyết định số 05/QĐ-HT ngày 09/1/2021 về công khai dự toán thu chi NSNN cấp năm 2021; số 03/QĐ-HT ngày 14/01/2022 về công khai dự toán thu chi NSNN cấp năm 2022; số 09/QĐ-HT ngày 11/01/2023 về công khai dự toán thu chi NSNN cấp năm 2023; số 08/QĐ-HT ngày 12/01/2024 về công khai dự toán thu chi NSNN cấp năm 2024; số 03/QĐ-HT ngày 10/01/2025 về công khai dự toán thu chi NSNN cấp năm 2025.

³ Quyết định số 26/QĐ-HT ngày 12/3/2022 về công khai quyết toán thu chi NSNN cấp năm 2021; số 32/QĐ-HT ngày 15/3/2023 về công khai quyết toán thu chi NSNN cấp năm 2022; số 32/QĐ-HT ngày 04/3/2024 về công khai quyết toán thu chi NSNN cấp năm 2023; số 28/QĐ-HT ngày 02/3/2025 về công khai quyết toán thu chi NSNN cấp năm 2024; năm 2025 chưa được cấp có thẩm quyền phê duyệt quyết toán.

IV	KP xét duyệt quyết toán	5.093.780.000	5.766.847.635	6.529.795.679	8.134.665.546	8.393.390.860
	Nguồn NSNN	3.933.290.000	4.526.876.000	4.870.468.200	6.228.109.800	7.364.154.000
	Nguồn học phí	512.606.500	593.461.635	893.485.629	803.363.206	491.320.730
	Nguồn DTHT	647.883.500	646.510.000	765.841.850	829.477.220	537.916.130
	Nguồn xã hội hóa	0	0	0	273.715.320	0
V	KP giao tiết kiệm bổ sung	22.000.000	0	0	9.000.000	23.000.000
	Nguồn NSNN	22.000.000			9.000.000	23.000.000
	Nguồn học phí					
	Nguồn DTHT					
	Nguồn xã hội hóa					
VI	KP dư chuyển năm sau	4.720.400	53.549.765	20.517.086	34.652.540	187.620.680
	Nguồn NSNN	0	0	8.534.800	0	0
	Nguồn học phí	3.967.200	49.625.565	5.829.936	31.326.730	170.496.000
	Nguồn DTHT	753.200	3.924.200	6.152.350	2.941.130	0
	Nguồn xã hội hóa	0	0	0	384.680	17.124.680

Nhà trường đã tổ chức thực hiện các khoản thu ngân sách, thu học phí, thu dịch vụ và thu khác theo quy định văn bản hướng dẫn của cấp có thẩm quyền; Quản lý, hạch toán, sử dụng và quyết toán các khoản thu quy định. Đối với nguồn thu dạy thêm học thêm, cơ bản đơn vị đã thực hiện chi phục vụ công tác dạy và học; đối với nguồn xã hội hóa, đơn vị đã lập kế hoạch vận động tài trợ, thành lập tổ tiếp nhận tài trợ, công khai kế hoạch vận động, nộp tiền vận động vào tài khoản tiền gửi tại Kho bạc Nhà nước và thu chi theo kế hoạch đã đề ra theo quy định.

Trong giai đoạn 2021 - 2025, các tổ chức, đoàn thể hoạt động trong Nhà trường gồm: Đội TNTP Hồ Chí Minh, Ban đại diện cha mẹ học sinh, Chi hội Chữ thập đỏ. Các tổ chức này hoạt động độc lập về tài chính, không sử dụng ngân sách nhà nước cấp cho nhà trường; việc thu, chi được thực hiện theo đúng Điều lệ, Quy chế và quy định của pháp luật có liên quan. Cụ thể:

4.1. Các khoản thu theo quy định của Nhà nước

a) Thu Bảo hiểm y tế học sinh:

Quy định mức thu Bảo hiểm y tế (đồng/tháng/học sinh): năm học 2021-2022 là 46.935 đồng; năm học 2022-2023 là 46.935 đồng; năm học 2023-2024 là 56.700 đồng; năm học 2024-2025 là 73.710 đồng; năm học 2025-2026 là 52.650 đồng.

Qua kiểm tra cho thấy: Nhà trường đã thực hiện thu tiền Bảo hiểm y tế học sinh theo mức quy định; Tổng số tiền đã thu các năm học là 1.612.538.910 đồng đã được nộp về cơ quan BHXH thành phố Sầm Sơn (nay là BHXH cơ sở Sầm Sơn).

b) Thu học phí:

Trong giai đoạn 2021-2025, Nhà trường đã thực hiện thu tiền học phí theo mức quy định, với tổng số thu là 3.461.810.000 đồng; thu kết dư năm 2020 chuyển sang là 2.923.700 đồng. Tổng số chi là: 3.294.237.700 đồng (gồm: Chi thanh toán

cá nhân 1.685.345.746 đồng; chi nghiệp vụ chuyên môn 1.022.850.734 đồng; chi mua sắm, sửa chữa tài sản phục vụ chuyên môn 89.056.927 đồng; chi khác: 474.984.563 đồng; Thực hiện tiết kiệm chi 5% là 22.000.000 đồng).

Qua kiểm tra cho thấy:

- Nhà trường sử dụng 23.000.000 đồng từ nguồn thu học phí năm học 2021-2022 (*Ủy nhiệm chi số 23/220804 ngày 04/8/2022*) để mua máy tính sách tay trang bị cho Phó Hiệu trưởng là vượt quá tiêu chuẩn theo Quyết định số 50/2017/QĐ-TTg ngày 31/12/2017 của Thủ tướng Chính phủ quy định tiêu chuẩn, định mức sử dụng máy móc, thiết bị.

- Một số chứng từ thanh toán chưa đầy đủ thủ tục, như: Thanh toán sửa chữa máy móc, thiết bị nhưng thiếu Biên bản kiểm tra hiện trạng, hợp đồng, biên bản nghiệm thu (*UNC số 41 ngày 29/12/2021; UNC số 12 ngày 09/5/2022*); Mua vở khen thưởng Học sinh giỏi nhưng thiếu Quyết định và danh sách khen thưởng (*UNC số 02 ngày 26/01/2022; UNC số 06 ngày 13/02/2023; UNC số 23 ngày 08/6/2023*).

4.2. Các khoản thu dịch vụ phục vụ, hỗ trợ hoạt động giáo dục

a) Dạy thêm, học thêm:

- Căn cứ các Văn bản hướng dẫn của Sở Giáo dục và Đào tạo, Nhà trường đã xây dựng mức thu từ đầu năm để tổ chức thực hiện. Cơ cấu chi, mức chi được Nhà trường tính toán xây dựng, thống nhất và quy định trong Quy chế chi tiêu nội bộ hàng năm, đảm bảo phù hợp nguồn kinh phí thu được.

- Tổng số tiền đã thu các năm học là 3.426.196.000 đồng; thu kết dư năm học 2020 chuyển sang là 1.432.700 đồng. Tổng số đã chi là: 3.427.628.700 đồng, trong đó: 75% chi tiền công dạy cho giáo viên là: 2.569.647.000 đồng; 25% còn lại là 857.981.700 đồng, Nhà trường đã bổ sung vào nguồn kinh phí của đơn vị, được tự chủ sử dụng theo quy định tại Nghị định số 60/2021/NĐ-CP ngày 21/6/2021 của Chính phủ quy định cơ chế tự chủ tài chính của đơn vị sự nghiệp công lập (gồm: chi công tác quản lý dạy thêm, học thêm, chi tiền điện, tiền nước sinh hoạt, sửa chữa cơ sở vật chất phục vụ dạy thêm, học thêm, trích quỹ theo quy định...), trong đó dành tối thiểu 5% trên tổng số thu cho tăng cường cơ sở vật chất.

Qua kiểm tra cho thấy: Một số khoản chi của đơn vị (từ nguồn thu DTHT) có giá trị vượt quá 5 triệu đồng là chưa đảm bảo theo quy định tại Thông tư số 13/2017/TT-BTC ngày 15/02/2017 của Bộ Tài chính và điểm b khoản 1 Điều 29 Luật PCTN năm 2018; với số tiền chi từ nguồn DTHT là 98.923.180 đồng.

b) Trông giữ phương tiện giao thông:

Căn cứ các Văn bản hướng dẫn của Sở Giáo dục và Đào tạo, Nhà trường đã xây dựng mức thu từ đầu năm để tổ chức thực hiện, mức thu từ 15.000 đồng/tháng đến 30.000 đồng/tháng theo từng năm học.

Qua kiểm tra cho thấy: Nhà trường đã thực hiện thu theo mức quy định; Tổng số tiền đã thu các năm học là 125.335.000 đồng; thu kết dư năm học 2020-2021 chuyển sang là 5.000 đồng. Tổng số chi là 125.340.000 đồng (gồm: Tiền công hợp đồng trông xe là 123.600.000 đồng; tiền in vé xé các loại là 1.740.000 đồng).

c) Nước uống:

Nhà trường ký hợp đồng cung cấp dịch vụ lắp đặt hệ thống máy lọc nước với Công ty TNHH nước thông minh Watersmart, đơn vị đảm bảo các điều kiện quy định tại khoản 1 Điều 5 của Thông tư số 13/2016/TTLT-BYT-BGDĐT ngày 12/5/2016 của liên Bộ Y tế - Bộ GD&ĐT quy định về công tác y tế trường học.

Qua kiểm tra cho thấy:

- Tổng số tiền đã thu các năm học là 247.522.000 đồng; thu kết dư năm học 2020-2021 chuyển sang là 800 đồng. Nhà trường đã nộp lại cho Công ty cung cấp dịch vụ nước uống theo đúng số học sinh tại nhà trường và thanh toán vào cuối năm học.

- Nhà trường đã thanh toán tiền nước ước cho đơn vị cung cấp dịch vụ bằng tiền mặt, có giá trị vượt quá 5 triệu đồng là chưa đảm bảo theo quy định tại Thông tư số 13/2017/TT-BTC ngày 15/02/2017 của Bộ Tài chính quy định về quản lý thu, chi bằng tiền mặt qua Kho bạc Nhà nước và điểm b khoản 1 Điều 29 Luật PCTN năm 2018; với số tiền thanh toán là 267.092.200 đồng.

d) Học phẩm phục vụ thi, kiểm tra:

Trong giai đoạn 2021-2025, Nhà trường thu tiền học phẩm của học sinh theo năm học, từ 50.000 đồng đến 86.000 đồng. Cơ cấu chi, mức chi được đơn vị tính toán xây dựng, thống nhất và quy định trong Quy chế chi tiêu nội bộ hàng năm, đảm bảo phù hợp nguồn kinh phí thu được.

Qua kiểm tra cho thấy:

- Nhà trường đã thực hiện thu theo mức quy định; Tổng số tiền đã thu các năm học là 181.704.000 đồng; thu kết dư năm học 2020-2021 chuyển sang là 34.200 đồng. Tổng số tiền đã chi là 159.674.200 đồng (gồm: photo đề thi khảo sát, các bài kiểm tra định kỳ, giấy thi, giấy nháp các loại).

- Nhà trường đã thanh toán tiền giấy thi cho đơn vị cung cấp bằng tiền mặt, có giá trị vượt quá 5 triệu đồng là chưa đảm bảo theo quy định tại Thông tư số 13/2017/TT-BTC ngày 15/02/2017 của Bộ Tài chính quy định về quản lý thu, chi bằng tiền mặt qua Kho bạc Nhà nước và điểm b khoản 1 Điều 29 Luật PCTN năm 2018; với số tiền thanh toán là 185.428.100 đồng.

- Một số chứng từ thanh toán phô tô tài liệu nhưng thiếu Giấy đề xuất phô tô được duyệt, sổ theo dõi tài liệu phô tô, hóa đơn GTGT không ghi hàng hóa, sản phẩm cung cấp (UNC số 17 ngày 11/7/2022; UNC số 27 ngày 04/7/2023; UNC số 29 ngày 04/7/2023).

e) Sổ liên lạc điện tử, Học bạ điện tử:

- Nhà trường ký hợp đồng cung cấp dịch vụ sổ liên lạc điện tử, học bạ điện tử với Trung tâm kinh doanh VNPT Thanh Hoá (bắt đầu triển khai thu từ năm học 2022-2023).

- Mức thu năm học 2022-2023 và năm học 2023-2024 là 50.000đ/năm học; Mức thu năm học 2024-2025 và năm học 2025-2026 là 70.000đ/năm học (bao gồm sổ liên lạc điện tử và học bạ điện tử).

Qua kiểm tra cho thấy:

- Tổng số tiền đã thu các năm học là 137.020.000 đồng; Nhà trường đã nộp lại cho Trung tâm kinh doanh VNPT theo đúng số học sinh từng năm học.

- Nhà trường đã thanh toán Sổ liên lạc điện tử, Học bạ điện tử cho đơn vị cung cấp dịch vụ bằng tiền mặt, có giá trị vượt quá 5 triệu đồng là chưa đảm bảo theo quy định tại Thông tư số 13/2017/TT-BTC ngày 15/02/2017 của Bộ Tài chính quy định về quản lý thu, chi bằng tiền mặt qua Kho bạc Nhà nước và điểm b khoản 1 Điều 29 Luật PCTN năm 2018; với số tiền thanh toán là 137.020.000 đồng (*Chứng từ thanh toán chỉ có Biên lai thu tiền, không có hóa đơn GTGT*).

4.3. Các khoản thu của tổ chức, đoàn thể liên quan đến học sinh

a) Quỹ đội:

- Mức thu đối với học sinh là 30.000đ/học sinh/năm học.

- Tổng số tiền đã thu các năm học là 81.710.000 đồng, thu kết dư năm học 2020-2021 chuyển sang là 37.000 đồng. Tổng số tiền đã chi là 78.793.000 đồng.

Qua kiểm tra cho thấy: Các khoản thu, chi được thực hiện theo theo Hướng dẫn Liên ngành số 48-HD/LN ngày 10/9/2019 và số 96-HD/LN ngày 17/8/2022 của Sở Giáo dục và Đào tạo - Tỉnh đoàn tỉnh Thanh Hóa hướng dẫn xây dựng, quản lý và sử dụng quỹ Đoàn - Đội trong trường học giai đoạn 2019 - 2022 và 2022 - 2027. Quỹ đội nhà trường tự theo dõi và làm hồ sơ chứng từ theo quy định.

b) Quỹ Hội chữ thập đỏ:

- Mức thu đối với học sinh là 15.000 đ/học sinh/năm học.

- Tổng số tiền đã thu các năm học: 38.095.000 đồng, thu kết dư năm học 2020-2021 chuyển sang là 62.000 đồng. Tổng số tiền đã chi là 36.925.000 đồng.

Qua kiểm tra cho thấy: Các khoản thu, chi thực hiện theo Công văn số 211/CTĐTH - VP ngày 19/8/2019 của Hội Chữ thập đỏ tỉnh Thanh Hóa về việc quản lý thu, chi quỹ Hội và Hội phí của hội viên Chữ thập đỏ trong trường học;

chủ yếu là tặng quà cho các học sinh nhân các ngày lễ lớn và hỏi thăm học sinh ốm đau theo quy định.

c) Các loại quỹ khác:

Nhà trường không tổ chức thực hiện Quỹ khuyến học, Quỹ Ban đại diện Cha mẹ học sinh và Bảo hiểm thân thể.

4.4. Các khoản tài trợ của các tổ chức, cá nhân (thực hiện xã hội hóa)

a) Huy động bằng tiền mặt:

- Các năm học 2021-2022, 2022-2023, 2024-2025, Nhà trường không thực hiện vận động xã hội hóa bằng tiền mặt.

- Năm học 2023-2024, Nhà trường đã thực hiện vận động xã hội hóa với tổng số tiền là 274.100.000 đồng; đã chi 273.715.320 đồng; còn lại 384.680 đồng.

- Năm học 2025-2026, Nhà trường đã thực hiện vận động xã hội hóa với tổng số tiền là 16.740.000 đồng.

Qua kiểm tra cho thấy:

- Trên cơ sở hướng dẫn của Bộ Giáo dục và Đào tạo tại Thông tư số 16/2018/TT-BGDĐT ngày 03/8/2018, Nhà trường xây dựng Kế hoạch vận động tài trợ nhằm mục đích tăng cường cơ sở vật chất, hỗ trợ các hoạt động giáo dục, đáp ứng yêu cầu dạy học và các hoạt động giáo dục theo hướng chuẩn hóa; tạo môi trường giáo dục Xanh - Sạch - Đẹp, an toàn, cụ thể: Kế hoạch số 66/KH-THCSNHL ngày 10/9/2023 về việc vận động tài trợ năm học 2023-2024; Kế hoạch số 75/KH-THCSNHL ngày 15/9/2025 về việc vận động tài trợ năm học 2025-2026. Kế hoạch sử dụng khoản tài trợ phải được công bố và niêm yết công khai trước khi trình cấp có thẩm quyền phê duyệt và tổ chức thực hiện 15 ngày làm việc để lấy ý kiến đóng góp của giáo viên, cán bộ, nhân viên, học sinh, CMHS và nhà tài trợ.

- Kết thúc hoạt động tài trợ, Nhà trường đã thực hiện công khai nội dung báo cáo tài chính năm và công khai quyết toán thu, chi tài chính năm đối với các khoản tài trợ theo quy định tại khoản 3 Điều 8 Thông tư số 16/2018/TT-BGDĐT ngày 03/8/2018 của Bộ Giáo dục và Đào tạo; ban hành Quyết định công khai số liệu quyết toán thu chi tiền vận động tài trợ tự nguyện xã hội hóa gửi cho Phòng Tài chính thành phố Sầm Sơn và niêm yết tại Bảng tin Nhà trường.

- Kế hoạch số 75/KH-THCSNHL ngày 15/9/2025 về việc vận động tài trợ năm học 2025-2026 chưa được cấp có thẩm quyền phê duyệt nhưng Nhà trường đã tổ chức thực hiện vận động, tiếp nhận tài trợ là chưa đảm bảo theo quy định tại khoản 1 Điều 5 Thông tư số 16/2018/TT-BGDĐT ngày 03/8/2018 của Bộ Giáo dục và Đào tạo. Số tiền đã thu vận động là 16.740.000 đồng, đơn vị nộp vào Tài khoản tiền gửi vận động XHH tại Kho bạc nhà nước Khu vực XI (chưa sử dụng).

b) Tiếp nhận bằng hiện vật:

TT	Lớp	Ti vi		Máy chiếu vật thể	Điều hòa		Thời gian đưa vào sử dụng	Tình trạng khi đưa vào SD
		SL	Chủng loại		SL	Chủng loại		
1	9A1	1	Smart Tivi 70'	1	0		Tháng 9/2022	Mới 100%
2	9A2	1	Smart Tivi 70'	1	0		Tháng 9/2022	Mới 100%
3	9A3	1	Smart Tivi 70'	1	0		Tháng 9/2022	Mới 100%
4	8A1	1	Smart Tivi 75'	1	0		Tháng 9/2023	Mới 100%
5	8A2	1	Tivi màn hình tương tác 75'	0	0		Tháng 9/2023	Mới 100%
6	8A3	1	Tivi màn hình tương tác 75'	0	0		Tháng 9/2023	Mới 100%
7	8A4	1	Tivi màn hình tương tác 75'	0	0		Tháng 9/2023	Mới 100%
8	7A1	1	Tivi màn hình tương tác 75'	0	0		Tháng 9/2024	Mới 100%
9	7A2	1	Smart Tivi 65'	1	2	1 chiều 18.000 BTU	Tháng 9/2024	Mới 100%
10	7A3	1	Tivi màn hình tương tác 75'	0	2	1 chiều 18.000 BTU	Tháng 9/2024	Mới 100%
11	7A4	1	Tivi màn hình tương tác 75'	0	0		Tháng 9/2024	Mới 100%
12	6A1	1	Tivi màn hình tương tác 75'	0	0		Tháng 9/2025	Mới 100%
13	6A2	1	Tivi màn hình tương tác 75'	0	0		Tháng 9/2025	Mới 100%
14	6A3	1	Tivi màn hình tương tác 75'	0	0		Tháng 9/2025	Mới 100%
15	6A4	1	Tivi màn hình tương tác 75'	0	0		Tháng 9/2025	Mới 100%
	Cộng	15		05	04			

Qua kiểm tra cho thấy:

- Trong giai đoạn 2021-2025, Nhà trường đã tiếp nhận hiện vật do Hội cha mẹ học sinh các lớp tài trợ gồm: 15 Tivi, 05 máy chiếu, 04 điều hòa là không chấp hành theo các Văn bản hướng dẫn của Sở Giáo dục - Đào Tạo Thanh Hóa⁴ và vi phạm điểm b khoản 4 Điều 10 Thông tư số 55/2011/TT-BGDĐT ngày 22/11/2011 của Bộ Giáo dục - Đào tạo.

- Tài sản, hiện vật được mua sắm từ nguồn kinh phí tự nguyện của Hội cha mẹ học sinh các lớp. Tuy nhiên, sau khi tiếp nhận tài sản, Nhà trường chưa kịp thời theo dõi và ghi chép trong Sổ kế toán ngay (đến năm 2025 mới hạch toán theo dõi tài sản) là không đúng theo quy định tại khoản 3 Điều 13 Luật Kế toán năm 2015; khoản 1 Điều 59 Luật Quản lý, sử dụng tài sản công năm 2017; khoản 4

⁴ Văn bản số 2448/SGDĐT-KHTC ngày 10/8/2020; số 2516/SGDĐT-KHTC ngày 16/9/2022; số 2791/SGDĐT-KHTC ngày 11/9/2023; số 2671/SGDĐT-KHTC ngày 27/8/2024; số 3279/SGDĐT-KHTC ngày 09/9/2025.

Điều 7 Thông tư số 16/2018/TT-BGDĐT ngày 03/8/2018 của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

5. Tiếp nhận tài sản từ nguồn dự án (Ban QLDA ĐTXD Sầm Sơn)

5.1. Phần tài sản là cơ sở nhà, đất:

TT	Tên tài sản	Loại tài sản	Diện tích (m ²)	Năm đưa vào sử dụng	Kết quả kiểm tra	Ghi chú
1	Đất giáo dục	Đất		11/2024	Đang sử dụng	Chưa nhập vào sổ theo dõi tài sản
2	Nhà hiệu bộ 5 tầng	Nhà	2.500	11/2024	Đang sử dụng	Chưa nhập vào sổ theo dõi tài sản
3	Nhà học lý thuyết 4 tầng	Nhà	1.800	11/2024	Đang sử dụng	Chưa nhập vào sổ theo dõi tài sản
4	Nhà học thực hành	Nhà	1.800	11/2024	Đang sử dụng	Chưa nhập vào sổ theo dõi tài sản
5	Nhà đa năng	Nhà	500	11/2024	Đang sử dụng	Chưa nhập vào sổ theo dõi tài sản
6	Nhà bảo vệ	Nhà	18,0	11/2024	Đang sử dụng	Chưa nhập vào sổ theo dõi tài sản
7	Nhà để máy bơm	Nhà	12,0	11/2024	Đang sử dụng	Chưa nhập vào sổ theo dõi tài sản
8	Nhà để xe của giáo viên	Nhà	78,0	11/2024	Đang sử dụng	Chưa nhập vào sổ theo dõi tài sản
9	Nhà để xe của học sinh	Nhà	40,0	11/2024	Đang sử dụng	Chưa nhập vào sổ theo dõi tài sản
10	Nhà để xe của học sinh	Nhà	40,0	11/2024	Đang sử dụng	Chưa nhập vào sổ theo dõi tài sản
11	Nhà để xe của học sinh	Nhà	40,0	11/2024	Đang sử dụng	Chưa nhập vào sổ theo dõi tài sản

5.2. Phần thiết bị:

TT	Tên thiết bị	Số lượng	Năm đưa vào sử dụng	Kết quả kiểm tra	Ghi chú
12	Máy tính Sing PC G743.7A670M2F-Wedu	01 cái	12/2024	Đang sử dụng	Chưa nhập vào sổ theo dõi tài sản
13	Máy tính Sing PC i3123.3A670M2F-Wedu	01 cái	12/2024	Đang sử dụng	Chưa nhập vào sổ theo dõi tài sản
14	Máy tính xách tay Sing PC Series M16-M16i710xx	01 cái	12/2024	Đang sử dụng	Chưa nhập vào sổ theo dõi tài sản
15	Ổn áp Lioa 15 KVA dải 90-240v	01 cái	12/2024	Đang sử dụng	Chưa nhập vào sổ theo dõi tài sản
16	Máy tính để bàn	01 bộ	12/2024	Đang sử dụng	Chưa nhập vào sổ theo dõi tài sản
17	Bàn họp hội đồng	01 bộ	12/2024	Đang sử dụng	
18	Bàn họp hội đồng 1	01 bộ	12/2024	Đang sử dụng	

19	Bàn họp hội đồng 2	01 bộ	12/2024	Đang sử dụng	
20	Bàn họp hội đồng 2	01 bộ	12/2024	Đang sử dụng	
21	Bàn họp hội đồng 2	01 bộ	12/2024	Đang sử dụng	
22	Bàn làm việc	01 bộ	12/2024	Đang sử dụng	
23	Bàn làm việc	01 bộ	12/2024	Đang sử dụng	
24	Bàn ghế tiếp khách văn phòng	01 bộ	12/2024	Đang sử dụng	
25	Tivi Smart 65' thông minh	01 cái	12/2025	Đang sử dụng	
26	Tivi Smart 75'	01 cái	12/2024	Đang sử dụng	
27	Tivi Smart 75' thông minh	01 cái	12/2024	Đang sử dụng	

Qua kiểm tra cho thấy:

- Ngày 26/11/2024, nhà trường nhận bàn giao tài sản công từ Dự án Cải tạo, sửa chữa Trường Trung cấp Phát thanh-Truyền hình thành Trường THCS Nguyễn Hồng Lễ do Ban QLDA ĐTXD Sầm Sơn làm đại diện chủ đầu tư bàn giao lại. Nhà trường đã nhập một phần thiết bị vào sổ sách theo dõi, thống kê, kế toán, kiểm kê, đánh giá, hạch toán tăng tài sản, thực hiện báo cáo kê khai biến động tài sản nhà, đất.

- Phần tài sản là nhà, đất và một phần thiết bị còn lại nhà trường (từ thứ tự số 01 đến số 16) chưa kịp thời theo dõi và ghi chép trong Sổ kế toán là không đúng theo quy định tại khoản 3 Điều 13 Luật Kế toán năm 2015; khoản 1 Điều 59 Luật Quản lý, sử dụng tài sản công năm 2017; khoản 4 Điều 7 Thông tư số 16/2018/TT-BGDĐT ngày 03/8/2018 của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

III. KẾT LUẬN, KIẾN NGHỊ

1. Kết luận

1.1. Ưu điểm:

- Công tác quản lý tài chính, tài sản công được triển khai, bảo đảm chi trả kịp thời các chế độ, chính sách cho viên chức, người lao động và học sinh; xây dựng, ban hành, thực hiện các chế độ, định mức, tiêu chuẩn và công khai tài chính trong hoạt động của đơn vị cơ bản đảm bảo theo quy định pháp luật.

- Đối với các nguồn thu từ XHH, Nhà trường triển khai thực hiện minh bạch, cơ bản đảm bảo theo đúng quy định, sử dụng đúng mục đích, đáp ứng nhu cầu giảng dạy, học tập của Nhà trường.

1.2. Thiếu sót, khuyết điểm:

- Trách nhiệm của người đứng đầu trong công tác quản lý thu, chi tài chính còn có những thiếu sót, khuyết điểm đã được chỉ ra tại ***điểm 1.3 khoản 1 Phần II Kết luận thanh tra.***

- Việc xây dựng, ban hành Quy chế chi tiêu nội bộ còn có những thiếu sót, khuyết điểm đã được chỉ ra tại ***điểm 2.1 khoản 2 Phần II Kết luận thanh tra.***

- Việc lập, phân bổ, giao dự toán và tổ chức thực hiện dự toán còn có những thiếu sót, khuyết điểm đã được chỉ ra tại **điểm 2.2 khoản 2 Phần II Kết luận thanh tra**.

- Việc thực hiện nghĩa vụ tài chính đối với Nhà nước còn có những thiếu sót, khuyết điểm đã được chỉ ra tại **điểm 2.4 khoản 2 Phần II Kết luận thanh tra**.

- Công tác nghiệp vụ kế toán, thực hiện công khai và báo cáo tài chính còn có những thiếu sót, khuyết điểm đã được chỉ ra tại **khoản 3 Phần II Kết luận thanh tra**.

- Sử dụng nguồn thu từ học phí còn có những thiếu sót, khuyết điểm đã được chỉ ra tại **điểm 4.1 khoản 4 Phần II Kết luận thanh tra**.

- Sử dụng các khoản thu dịch vụ phục vụ, hỗ trợ hoạt động giáo dục còn có những thiếu sót, khuyết điểm đã được chỉ ra tại **điểm 4.2 khoản 4 Phần II Kết luận thanh tra**.

- Việc tổ chức thực hiện huy động xã hội hóa, nhận tài trợ của các tổ chức, cá nhân còn có những thiếu sót, khuyết điểm đã được chỉ ra tại **điểm 4.4 khoản 4 Phần II Kết luận thanh tra**.

- Việc hạch toán, theo dõi tài sản công còn có những thiếu sót, khuyết điểm đã được chỉ ra tại **khoản 5 Phần II Kết luận thanh tra**.

1.3. Trách nhiệm:

Để xảy ra những thiếu sót, khuyết điểm trên, trách nhiệm thuộc về Hiệu trưởng, Kế toán và các tập thể, cá nhân có liên quan qua các thời kỳ.

2. Kiến nghị

2.1. Đối với Trường THCS Nguyễn Hồng Lễ:

- Tập thể Ban Giám hiệu nhà trường và các bộ phận, cá nhân có liên quan nghiêm túc rút kinh đối với những thiếu sót, khuyết điểm đã được chỉ ra.

- Lập và lưu trữ chứng từ kế toán, hồ sơ thanh toán đảm bảo tính hợp lệ, hợp pháp theo quy định;

- Thực hiện đầy đủ quy định tại Điều 54 Luật Thanh tra năm 2025 và báo cáo kết quả thực hiện về Thanh tra tỉnh trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày công khai Kết luận Thanh tra.

2.2. Đối với UBND phường Sầm Sơn:

Tăng cường hướng dẫn Trường THCS Nguyễn Hồng Lễ trong công tác quản lý tài chính, tổ chức thực hiện việc tiếp nhận, quản lý, sử dụng nguồn XHH, báo cáo kết quả thực hiện và công khai theo quy định tại Thông tư số 16/2018/TT-BGDĐT ngày 03/8/2018 của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

2.3. Kiến nghị Chủ tịch UBND tỉnh:

Ban hành văn bản chỉ đạo UBND phường Sầm Sơn, Trường THCS Nguyễn Hồng Lễ thực hiện nghiêm kết luận, kiến nghị của Thanh tra tỉnh.

3. Việc công khai Kết luận thanh tra

Việc công khai Kết luận thanh tra thực hiện theo quy định tại Điều 37 Luật Thanh tra năm 2025:

- Công khai trước đối tượng thanh tra.
- Công khai trên trang thông tin điện tử của Thanh tra tỉnh Thanh Hóa./.

Nơi nhận:

- Chủ tịch UBND tỉnh (để b/c);
- UBKT Tỉnh ủy (để b/c);
- Ban Nội chính Tỉnh ủy (để b/c);
- Trường THCS Nguyễn Hồng Lễ (để th/h);
- Phòng Nghiệp vụ 9 (để th/h);
- Lưu: VP, P2, Đoàn Thanh tra.

CHÁNH THANH TRA

Vũ Văn Đạt